

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 27 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai.

Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 162/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2025, số 213/TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai; các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh: Số

86/BC-KTNS ngày 22 tháng 10 năm 2025, số 93/BC-KTNS ngày 24 tháng 10 năm 2025 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

1. Bổ sung tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với số vốn là 596.414 triệu đồng; trong đó, nguồn tiền sử dụng đất của tỉnh là 34.100 triệu đồng, nguồn thu khác ngân sách tỉnh là 36.000 triệu đồng, vốn ngân sách trung ương năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024 là 397.149 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục 01, 02)

2. Bổ sung danh mục các công trình hạ tầng để phát triển quỹ đất; các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

(Kèm theo phụ lục 03)

3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các danh mục, dự án.

- Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2024: Điều chỉnh giảm 53.000 triệu đồng của 03 dự án để bổ sung cho 02 dự án.

- Nguồn tiền sử dụng đất của tỉnh: Điều chỉnh giảm 3.000 triệu đồng của 01 dự án không triển khai thực hiện để bổ sung cho dự án Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Kèm theo phụ lục 04)

4. Điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025.

- Điều chỉnh lại đầu mối giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với các dự án cấp huyện có sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh với tổng số vốn 434.350 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục 05)

- Điều chỉnh lại đầu mối giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với các dự án sử dụng vốn cấp huyện.

(Kèm theo phụ lục 06)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung

Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch trung hạn sau khi bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ		596.414		
	<i>Trong đó:</i>				
I	Ngân sách địa phương		199.265		
1	Nguồn sử dụng đất của tỉnh	13.600.000	34.100	13.634.100	Chi tiết phụ lục 02
2	Nguồn thu khác ngân sách tỉnh		36.000	36.000	Chi tiết phụ lục 02
3	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2024	349.101	129.165	478.266	Chi tiết phụ lục 02
II	Ngân sách trung ương		397.149		
1	Vốn ngân sách trung ương năm 2025 (từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024)		397.149		Chi tiết phụ lục 02

CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG TÔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt		Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư		
	TỔNG SỐ				596.414	
I	Nguồn sử dụng đất của tỉnh				34.100	
	Các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh				34.100	
II	Nguồn thu khác ngân sách tỉnh				36.000	
	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn, Hạng mục: Đơn nguyên nội thận - lọc máu	Sở Y tế	1797/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	34.322	36.000	
III	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2024				129.165	
	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	BQL các DA ĐTXD tỉnh	219/2025/QH 15 ngày 27/6/2025	43.734.000	129.165	
IV	Vốn ngân sách trung ương năm 2025 (từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024)				397.149	
	Xây dựng trường học nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại 07 xã biên giới	BQL các DA ĐTXD tỉnh			397.149	

78

Phụ lục 03

**BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐỂ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT; CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ,
HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt		Ghi chú
		Số Quyết định	TMĐT	
1	Dự án Di dời các doanh nghiệp trong Cụm công nghiệp Nhơn Bình	2146/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	780.385	

28

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt		Kế hoạch trung hạn	Điều chỉnh vốn NST: tăng (+), giảm (-)	KH trung hạn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư				
A	NGUỒN TĂNG THU TIẾT KIỆM CHI NĂM 2024							
I	Điều chỉnh giảm					-53.000		
1	Tuyến đường kết nối đường chuyên dụng phía Tây Khu kinh tế Nhơn Hội với tuyến đường ven biển Cát Tiến – Diêm Văn	Ban Quản lý Khu kinh tế	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1118000	21.000	-21.000	0	
2	Tuyến đường kết nối từ Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa đến Khu đô thị Long Văn	Ban Quản lý các dự án các công trình giao thông và dân dụng tỉnh	1086/QĐ-UBND ngày 31/03/2025	1.107.000	20.000	-20.000	0	
3	Bảo tàng tỉnh Bình Định	Ban Quản lý các dự án các công trình giao thông và dân dụng tỉnh	87/NQ-HĐND ngày 06/12/2023	700000	12.000	-12.000	0	
II	Điều chỉnh tăng					53.000		
1	Tuyến đường kết nối từ cao tốc Bắc - Nam về KCN Phù Mỹ và bến cảng Phù Mỹ	Ban Quản lý các dự án các công trình giao thông và dân dụng tỉnh	687/QĐ-UBND ngày 0/3/2025	2115000	50.000	33.000		
2	Tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đến đường ven biển ĐT.639 kết nối với cảng Đề Gi	Ban Quản lý các dự án các công trình giao thông và dân dụng tỉnh	657/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	1450000	40.000	20.000		
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỈNH							
I	Điều chỉnh giảm					-3.000		
	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Sở Y tế	3729/QĐ-UBND (10/10/2017); 3455/QĐ-UBND (21/8/2020)	81360	11.589	-3.000	8.589	
II	Điều chỉnh tăng					3.000		
	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	1530/QĐ-UBND ngày 22/8/2025	3.246	0	3.000	3.000	



Phụ lục 05
ĐIỀU CHỈNH ĐẦU MỐI GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
GIA LAI (TRƯỚC SẮP XẾP)
(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch trung hạn			Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				NSTW	NST		NSTW	NST			
	TỔNG SỐ					434.350	387.113	47.237			
A	CÁC DỰ ÁN					260.000	260.000	0			
I	Danh mục dự án điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025					260.000	260.000	0			
I	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trường Chinh - Lê Thánh Tôn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	411/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 625/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	260.000	260.000	0	260.000	260.000		UBND phường Diên Hồng	BQL các dự án ĐTXD	
B	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA					174.350	127.113	47.237			
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					133.386	87.229	46.157			
I.1	Điều chỉnh Kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025					133.386	87.229	46.157			
a)	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					440	0	440			
Huyện Kbang						440	0	440			
I	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 31/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	440		440	440	0	440	UBND Huyện Kbang	UBND xã Kbang	Nội dung này thay thế tên dự án, số liệu đã giao tại điểm 1 trong huyện Kbang (trang 6), tại khoản a, tiểu mục 1.3, mục I, phần B của Phụ lục 05, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai
b)	Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					132.526	86.880	45.646			
Huyện Chư Păh						20.460	20.460	0			
I	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Bui, xã Ia Ka	1147/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	22.187	20.460		20.460	20.460		BQLDA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Ia Phi	Nội dung này thay thế số liệu đã giao tại điểm 1.1 (trang 4), tiểu mục 1.1, mục I, phần B của Phụ lục 05, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai
Huyện Chư Prông						112.066	66.420	45.646			



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch trung hạn			Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				NSTW	NST		NSTW	NST			
1	Sắp xếp, ổn định dân cư làng Phung, thôn Pior 1 xã Ia Pior	2246/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	70.084	38.910	26.505	65.415	38.910	26.505	BQLDA ĐTXD khu vực Chư Prông	UBND xã Ia Lầu	Nội dung này thay thế số liệu đã giao tại điểm 2 (trang 4), tiểu mục 1.1, mục 1, phần B của Phụ lục 05, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai
2	Sắp xếp, ổn định dân cư làng Hlang Ngol, làng Ô, làng Siu, làng Doách, xã Ia Vê	2382/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	49.585	27.510	19.141	46.651	27.510	19.141	BQLDA ĐTXD khu vực Chư Prông	UBND xã Ia Pia	Nội dung này thay thế số liệu đã giao tại điểm 3 (trang 4), tiểu mục 1.1, mục 1, phần B của Phụ lục 05, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai
b)	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng DB DTTS & MN					420	349	71			
	Huyện Chư Sê					420	349	71			
I	Đường giao thông làng Ia Doa dài 291m		278			278	207	71	UBND huyện Chư Sê	UBND xã Al Bá	Bổ sung mới
2	Dự án: Đường giao thông nông thôn làng Tung Ke, dài 95m	60/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	142	142		142	142		UBND Huyện Chư Sê	UBND xã Al Bá	Nội dung này thay thế số liệu tại điểm 2 trong huyện Chư Sê (trang 9) tại khoản b, tiểu mục 1.3, mục 1, phần B của Phụ lục 05, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					40.964	39.884	0			
II.1	Danh mục, dự án điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/7/2025					540	540	0			
1	Đường bê tông xi măng nội thôn Ama Rin 3, xã Ia Mron	359/QĐ-UBND, 15/04/2025	540	540		540	540	0	UBND Xã Ia Tul	UBND Xã Ia Pa	Cập nhật lại đầu mối theo địa bàn dự án
I.2	Danh mục, dự án bổ sung					40.424	39.344	1.080			
	Huyện Đak Đoa			25.880		25.880	25.880				
1	Trường Tiểu học xã Đak Krong. Hàng mục: Xây dựng hàng rào	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	189	189		189	189			UBND xã Kon Gang	
2	Nhà văn hoá thôn Dôr 2. Hàng mục: Nhà văn hóa, cổng, hàng rào, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	778	700		700	700			UBND xã Đak Đoa	
3	Nhà văn hoá thôn Groi Wét. Hàng mục: Cổng, hàng rào, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ	Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	238	214		214	214			UBND xã Đak Đoa	
4	Sân vận động xã Ia Băng. Hàng mục: Cổng, tường rào và các hạng mục phụ	Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	662	596		596	596			UBND xã Ia Băng	
5	Đường giao thông nông thôn thôn Ktu. Hàng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	QĐ số 138/QĐ-UBND, ngày 21/11/2024	2.581	2.400		2.400	2.400			UBND xã Kon Gang	

(Chữ ký)

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch trung hạn			Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				NSTW	NST		NSTW	NST			
6	Đường giao thông nông thôn thôn Krái. Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	QĐ số 137/QĐ-UBND, ngày 21/11/2024	753	700		700	700		UBND Huyện Đắk Đoa	UBND xã Kon Gang	
7	Đường giao thông nông thôn thôn Kóp. Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	QĐ số 136/QĐ-UBND, ngày 21/11/2024	1.557	1.448		1.448	1.448			UBND xã Kon Gang	
8	Đường giao thông nông thôn thôn Dung Rơ. Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	QĐ số 135/QĐ-UBND, ngày 21/11/2024	215	200		200	200			UBND xã Kon Gang	
9	Nhà văn hóa thôn Dung Rơ. Hạng mục: Nhà văn hóa, công, hàng rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	QĐ số 130/QĐ-UBND, ngày 20/11/2024	1.265	1.176		1.176	1.176			UBND xã Kon Gang	
10	Nhà văn hóa thôn Ktu. Hạng mục: Công, hàng rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	QĐ số 132/QĐ-UBND, ngày 20/11/2024	656	610		610	610			UBND xã Kon Gang	
11	Đường giao thông làng Hlang, xã Hnol. Hạng mục: Nền, mặt đường bê tông và hệ thống thoát nước.	QĐ số 143/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	996	926		926	926			UBND xã KĐang	
12	Đường giao thông thôn Botgrek, xã Hnol. Hạng mục: Nền, mặt đường bê tông và hệ thống thoát nước	QĐ số 144/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	996	926		926	926			UBND xã KĐang	
13	Đường giao thông làng Rông, xã Hnol.Nền, mặt đường bê tông và hệ thống thoát nước.	QĐ số 145/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	619	576		576	576			UBND xã KĐang	
14	Đường giao thông làng Thung, xã Hnol. Nền, mặt đường bê tông và hệ thống thoát nước.	QĐ số 146/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	619	576		576	576			UBND xã KĐang	
15	Đường giao thông làng Rông. Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp	QĐ số 147/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	574	534		534	534			UBND xã KĐang	
16	Nhà văn hóa xã Hnol. Hạng mục: Khu vui chơi giải trí và thể thao cho người cao tuổi và trẻ em.	QĐ số 148/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	619	576		576	576			UBND xã KĐang	
17	Nhà văn hóa Thôn Sól Trang, xã Hnol. Hạng mục: Khu vui chơi, nhà vệ sinh, giếng nước.	QĐ số 139/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	462	430		430	430			UBND xã KĐang	
18	Nhà văn hóa làng Rông, xã Hnol. Hạng mục: Nhà vệ sinh, giếng nước, tường rào.	QĐ số 138/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	290	270		270	270			UBND xã KĐang	
19	Nhà văn hóa thôn Botgret. Hạng mục: Nhà vệ sinh, giếng nước, tường rào	QĐ số 140/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	290	270		270	270			UBND xã KĐang	
20	Nhà văn hóa làng Thung. Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, xây nhà vệ sinh, giếng nước, tường rào.	QĐ số 142/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	753	700		700	700			UBND xã KĐang	
21	Nhà văn hóa làng Hlang, xã Hnol. Hạng mục: Sân bê tông nhà văn hóa	QĐ số 136/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	269	250		250	250			UBND xã KĐang	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch trung hạn			Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				NSTW	NST		NSTW	NST			
22	Trường Mẫu giáo xã Hnol. Hàng mục: Xây dựng 01 phòng học	QĐ số 137/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024	500	500		500	500		UBND Huyện Krông Pa	UBND xã KĐang	
23	Đường giao thông nông thôn làng Blung, xã Trang. Hàng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	764	688		688	688			UBND xã KĐang	
24	Đường giao thông nông thôn làng Kô, xã Trang. Hàng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	764	688		688	688			UBND xã KĐang	
25	Đường giao thông nông thôn, làng Kol, xã Trang. Hàng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	764	688		688	688			UBND xã KĐang	
26	Đường giao thông nông thôn, thôn Tân Tiến, xã Trang. Hàng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	722	650		650	650			UBND xã KĐang	
27	Đường giao thông nông thôn, thôn Tân Lập, xã Trang. Hàng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	667	600		600	600			UBND xã KĐang	
28	Đường giao thông khu hành chính xã Trang. Hàng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	556	500		500	500			UBND xã KĐang	
29	Trường Mầm non Hòa Bình, xã Trang. Hàng mục: Tường rào	Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	300	300		300	300			UBND xã KĐang	
30	Trường THCS Lê Quý Đôn. Hàng mục: Xây dựng 02 phòng học bộ môn	Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	1.000	1.000		1.000	1.000			UBND xã KĐang	
31	Trường Tiểu học xã Trang. Hàng mục: Xây mới 03 phòng học	Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	1.420	1.420		1.420	1.420			UBND xã KĐang	
32	Trường Tiểu học xã Ia Pết. Hàng mục: Phòng học và các hạng mục khác	Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 01/03/2024	4.579	4.579		4.579	4.579			UBND xã Ia Bàng	
	Huyện Krông Pa					3.787	3.787				
1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nội thôn buôn Thim (từ nhà Mí Ngừ đến giáp đường vành đai buôn Thim)	0	679	631		631	631		UBND Huyện Krông Pa	UBND Xã Phú Túc	
2	Đường ra khu sản xuất Buôn Dù (Nối tiếp đoạn đầu tư năm 2023 đến rẫy Ama H' Trang); Hàng mục: Nền, mặt đường bê tông xi măng	0	701	631		631	631			UBND Xã Phú Túc	
3	Trường tiểu học Chư Gu - Điểm trường buôn Chư Jut, Hàng mục: Nhà vệ sinh, sân bê tông và các hạng mục	01/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	580	580		580	580			UBND Xã Ia Rсай	
4	Đường giao thông nông thôn xã Chư Gu, Hàng mục: Mở rộng mặt đường bê tông xi măng và hệ thống thoát nước	02/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	1.413	1.314		1.314	1.314			UBND Xã Ia Rсай	
5	Đường giao thông nội thôn, thôn An Bình (từ nhà ông Phạm Như Tăng đến khu sản xuất)		331	331		331	331			UBND xã Uar	
6	Xây mới nhà vệ sinh, hàng rào trường THCS Phan Bội Châu;		300	300		300	300			UBND xã Uar	
	Huyện Chư Păh					1.200	1.200	0			

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch trung hạn			Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				NSTW	NST		NSTW	NST			
1	Đường giao thông làng Or		963	900		900	900		UBND huyện Chư Păh	UBND xã Ia Phi	
2	Đường giao thông làng Yăng 3		321	300		300	300			UBND xã Ia Phi	
	Huyện Chư Prông					500	500	0			
1	Trung tâm thể thao xã Bình Giáo.		556	500		500	500		UBND huyện Chư Prông	UBND xã Bàu càn	
	Thị xã An Khê					3.774	2.694	1.080			
1	Mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Cửu An		1.188		1.080	1.080		1.080	UBND thị xã An Khê	UBND xã Cửu An	
2	Đường ngõ xóm thôn Cửu Đạo (từ xóm Gò Đôn đi xuôi Dừa thôn Cửu Đạo); hạng mục: Nền, mặt đường bê tông xi măng và hệ thống thoát nước	17/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	1.113	902		902	902			UBND xã Cửu An	
3	Đường liên thôn (từ ngã 3 chợ Tú Thủy 2 đến ngã 4 làng Pơ Nang); hạng mục: Mở rộng mặt đường bê tông xi măng, hệ thống thoát nước	18/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	2.200	1.792		1.792	1.792			UBND xã Cửu An	
	Huyện Kbang					1.410	1.410	0			
1	Sân vận động xã Kon Pơc	63/QĐ-UBND ngày 11/07/2024	635	610		610	610		UBND huyện Kbang	UBND xã Đăk Rong	
2	Nhà văn hoá làng Kon Kring	62/QĐ-UBND ngày 11/07/2024	833	800		800	800			UBND xã Đăk Rong	
	Huyện Mang Yang					3.873	3.873	0			
1	Đường bê tông xi măng nội làng Bok Ayol (Đoạn 1: Từ nhà ông Theng đến nhà ông Phi; đoạn 2: Từ nhà ông AnSôm đến nhà ông Chử; đoạn 3: Từ nhà ông Gam đến nhà ông Grừ; đoạn 4: Từ nhà ông Trọng đến nhà ông LyKa; đoạn 5: Từ nhà ông Suu đến nhà ông Hin		1.395	1.395		1.395	1.395		UBND Huyện Mang Yang	UBND xã Hra	
2	Đường trục thôn từ đầu làng Đê Tư sang làng Brép và đường nội làng Brép; xã Đăk Dưăng	18/QĐ-UBND ngày 10/03/2025	635	635		635	635			UBND xã Mang Yang	
3	Nhà đa năng trường tiểu học và THCS Đăk Yă	64/QĐ-UBND ngày 23/05/2024	1.872	1.266		1.266	1.266			UBND xã Mang Yang	
4	Trường mẫu giáo (Phòng nghệ thuật trường mẫu giáo)	38/QĐ-UBND ngày 14/03/2024	577	577		577	577			UBND xã Hra	

Handwritten signature/initials

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
TỈNH GIA LAI (TRƯỚC SẮP XẾP)**

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
	TỔNG SỐ				3.577.184			
A	CÁC DỰ ÁN RÚT VỀ TỈNH				2.553.238			
I	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				2.457.678			
I.1	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025				2.059.279			
I.2	Kế hoạch vốn điều chỉnh				398.399			
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh	85/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 526/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	400.200	400.200	398.399	UBND phường Diên Hồng	Trung tâm PTQĐ tỉnh	
II	NGUỒN VỐN KHÁC NGÂN SÁCH HUYỆN				95.560			
II.1	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025				93.759			
I.2	Kế hoạch vốn điều chỉnh							
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh	85/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 526/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	400.200	400.200	1.801	UBND phường Diên Hồng	Trung tâm PTQĐ tỉnh	
B	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN VỀ XÃ				1.023.946			
I	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				903.959			
I.1	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025				1.302.358			
I.2	Kế hoạch điều chỉnh				-398.399			
II	NGUỒN VỐN KHÁC NGÂN SÁCH HUYỆN				119.987			
II.1	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025				121.788			
II.2	Điều chỉnh tăng các dự án do chuyển từ BQL Khu vực về xã				-1.801			